

Số: 1406543

|                                            | Kia New Morning GT-Line | Mazda2 1.5L Luxury |
|--------------------------------------------|-------------------------|--------------------|
| Listed price:                              | 424.000.000đ            | 494.000.000đ       |
| KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:                   |                         |                    |
| Overall size (mm)                          | 3595 x 1595 x 1495      | 4355 x 1695 x 1470 |
| The standard long (mm)                     | 2400                    | 2570               |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 4700                    | 5000               |
| Ground clearance (mm)                      | 151                     | 140                |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 960                     | 1118               |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 1370                    | 1538               |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 255                     | 440                |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 35                      | 44                 |
| Number of seats                            | 5                       | 5                  |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước        | Nhập Khẩu          |
| DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:                      |                         |                    |
| Loại động cơ                               | Xăng, Kappa 1.25L       | Skyactiv-G 1.5L    |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 1248                    | 1496               |
| Maximum power (hp @ rpm)                   | 83 / 6000               | 110 / 6000         |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 122 / 4000              | 144 / 4000         |
| Gear                                       | 4AT                     | 6AT                |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)         | Cầu trước (FWD)    |
| Hệ thống treo trước                        | Mc Pherson              | Độc lập McPherson  |
| Rear suspension                            | Thanh xoắn              | Thanh xoắn         |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                     | Đĩa                |
| Hệ thống phanh sau                         | Tang trống              | Đĩa                |
| Thông số lốp xe                            | 185/55 R15              | 185/60 R16         |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 7.74                    | 7.13               |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 4.68                    | 4.82               |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 5.82                    | 5.66               |
| NGOẠI THẤT:                                |                         |                    |
| Cụm đèn trước                              | Halogen Projector       | LED                |
| Đèn trước tự động bật/tắt                  | ●                       | ●                  |
| Đèn ban ngày LED                           | ●                       | ●                  |
| Đèn sương mù                               | Halogen                 | -                  |
| Cụm đèn sau                                | LED                     | Halogen            |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                       | ●                  |
| NỘI THẤT - TIỆN NGHI:                      |                         |                    |
| Vô lăng bọc da                             | ●                       | ●                  |
| Chất liệu ghế                              | Da                      | Da + Nỉ            |
| Ghế người lái chỉnh cơ                     | ●                       | ●                  |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                     | ●                       | ●                  |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin              | LCD 4.2"                | Analog + Digital   |
| Màn hình giải trí trung tâm                | AVN 8"                  | 7"                 |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto         | ●                       | ●                  |
| Hệ thống điều hòa tự động                  | ●                       | ●                  |
| Số vùng khí hậu điều hòa                   | 1                       | 1                  |
| Chìa khóa thông minh                       | ●                       | ●                  |

|                                            |       |       |
|--------------------------------------------|-------|-------|
| Khởi động nút bấm                          | ●     | ●     |
| Sound system                               | 6 loa | 6 loa |
| Sạc không dây Qi                           | ●     | -     |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX                 | ●     | ●     |
| <b>AN TOÀN:</b>                            |       |       |
| Số túi khí                                 | 2     | 2     |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS           | ●     | ●     |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD           | ●     | ●     |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA          | ●     | ●     |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS       | ●     | ●     |
| Hệ thống cân bằng điện tử                  | ●     | ●     |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS | ●     | ●     |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA    | ●     | ●     |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa            | ●     | ●     |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm               | n/a   | ●     |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                      | Sau   | Sau   |
| Camera lùi                                 | ●     | ●     |